

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/DS-PT

Ngày: 13 - 9 - 2022

*V/v tranh chấp về chia di sản thừa kế
và tranh chấp quyền sở hữu tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư
Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/8/2022, 06/9/2022 và 13/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2022/TLPT-DS ngày 21/3/2022 về “Tranh chấp về chia di sản thừa kế và tranh chấp quyền sở hữu tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐ-PT ngày 14/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1961; nơi cư trú: Khu Đức T, TT.Đ, huyện i, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Long: ông Nguyễn Thành Th2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu Đức Lập, TT. Đức Phong, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Văn Th1 (tên gọi khác: Tư Cò), sinh năm 1952, nơi cư trú: Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Quốc P, sinh năm 1980, nơi cư trú: Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1/ Bà Võ Thị Kim L2, sinh năm 1963, nơi cư trú: Đường Điều ông, Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

2/ Ông Võ Kim A, sinh năm 1944, nơi cư trú: Khu Đức Thiện, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3/ Bà Võ Thị Th, sinh năm 1957, nơi cư trú: ấp 5, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:*

1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1955, nơi cư trú: Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt)

2/ Anh Phạm Quốc P1, sinh năm 1970 (có mặt)

3/ Chị Hoàng Thị Mỹ Ng, sinh năm 1975, nơi cư trú: Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

4/ Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, địa chỉ: Khu Đức Lập, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H – chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim L2, ông Võ Kim A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-5-2018 của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành Th2 trình bày:

Cha mẹ của bà Võ Thị Kim L là bà Hà Thị L1 và ông Hà Văn Đ1. Ông Hà Văn Đ1 chết năm 1969. Bà Hà Thị L1 chết năm 2012. Ông Hà Văn Đ1 và bà Hà Thị L1 có 05 người con gồm ông Võ Kim A, ông Võ Văn Th1, bà Võ Thị Th, bà Võ Thị Kim L2 và bà Võ Thị Kim L. 05 người con của bà Hà Thị L1 đều còn sống. Khi bà Hà Thị L1 còn sống thì bà Hà Thị L1 tạo lập được khối tài sản gồm:

Diện tích đất 1.027,6m² có số tờ bản đồ 31 tọa lạc khu Đức Lập, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đã được UBND huyện B, tỉnh Bình Phước có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 490/QSĐĐ ký ngày 8/12/2003 đứng tên hộ bà Hà Thị L1. Diện tích đất này được chia thành 05 thửa gồm: Thửa số 47 có diện tích đất 295,5m²; Thửa đất số 65 có diện tích đất 162,9m²; Thửa đất số 66 có diện tích đất 162,9m²; Thửa đất số 67 có diện tích 161,7m² và thửa đất số 69 có diện tích 244,6m². Bà Hà Thị L1 đã cắt chia cho các con gồm bà Võ Thị Kim L2, ông Võ Kim A. Cụ thể: Vào năm 2003 bà Hà Thị L1 tặng cho bà Võ Thị Kim L2 thửa đất số 66 và thửa đất số 67 với tổng diện tích là 424,6m². Năm 2007 bà Hà Thị L1 tặng cho anh Võ Mã Phi (là con trai của ông Võ Kim A) diện tích đất

195,6m² thuộc thửa đất số 69. Bà Võ Thị Kim L2 và anh Võ Mã Phi đã được UBND huyện B cấp giấy CNQSDĐ. Đối với ông Võ Văn Th1 và bà Võ Thị Kim L thì bà Hà Thị L1 có làm giấy ủy quyền có nội dung: Ông Võ Văn Th1 được thừa kế phần đất có chiều ngang 16 mét, chiều dài 24 mét (là phần đất giáp với đất bà Võ Thị Kim L2). Bà Võ Thị Kim L được thừa kế nhà ở cấp IV với phần đất có chiều ngang 14 mét, chiều dài 24 mét (là phần đất giáp với đất của ông Võ Kim A). Giấy ủy quyền được lập vào ngày 15/12/2005. Phần đất mà bà Hà Thị L1 cho ông Võ Văn Th1, ông Võ Văn Th1 đã thực hiện việc sang tên giấy CNQSDĐ theo quy định. Phần diện tích đất còn lại của bà Hà Thị L1 là 246,6m² (sau đây gọi tắt là diện tích đất nhà) và tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp IV bà Võ Thị Kim L đã quản lý, sử dụng từ năm 2005 cho đến nay. Sau khi bà Hà Thị L1 chết, bà Võ Thị Kim L làm thủ tục sang tên giấy CNQSDĐ theo nội dung giấy ủy quyền thì ông Võ Văn Th1 không đồng ý ký giấy tờ cho bà Võ Thị Kim L.

Ngoài ra, bà Hà Thị L1 còn diện tích đất 7630,5m² (trên đất trồng cây điều) và diện tích đất 3150,6m² (trên đất có 03 cái ao) (sau đây gọi tắt là diện tích đất rẫy) tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất này chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Nguồn gốc diện tích đất này do bà Hà Thị L1 khai phá vào năm 1980 và trồng cây điều. Sự việc này có người làm chứng. Từ lúc khai phá cho đến khi bà Hà Thị L1 chết thì bà Hà Thị L1 và bà Võ Thị Kim L cùng canh tác, sử dụng trên diện tích đất này. Đến năm 2017, năm 2018 thì ông Võ Văn Th1 tranh chấp, cho rằng đây là đất của vợ chồng ông Võ Văn Th1 và tiến hành thủ tục cấp giấy CNQSDĐ.

Khi chết bà Hà Thị L1 không có di chúc. Do đó, nay bà Võ Thị Kim L khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét xác định diện tích đất là 246,6m² cùng tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp IV thuộc thửa đất số 47 và một phần thửa đất số 69 tờ bản đồ số 31; Diện tích đất 7630,5m² (trên đất trồng cây điều) và diện tích đất 3150,6m² (trên đất có 03 cái ao) đều tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước là di sản của bà Hà Thị L1. Bà Võ Thị Kim L khởi kiện yêu cầu chia di sản của bà Hà Thị L1 thành 05 phần cho 05 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bà Võ Thị Kim L nhận 1 kỷ phần và có nguyện vọng nhận hiện vật là diện tích đất là 246,6m² cùng tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp IV và hoàn trả lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế còn lại.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị Kim L thừa nhận trên diện tích đất 246,6m² đã bị ông Võ Văn Th1 lấn chiếm 18,5m² nên diện tích đất còn lại là 228,1m². Bà không tranh chấp hay có yêu cầu về diện tích đất ông Võ Văn Th1 lấn chiếm. Nay bà thay đổi một phần yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất còn lại là 228,1m². Đối với phần diện tích đất 3150,6m² tọa lạc tại Hồ Bảy Mẫu, Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, bà Võ Thị Kim L xác nhận trong phần diện tích đất bà yêu cầu chia di sản thừa kế có hai cái ao với diện tích là 1.295,8m² là tài sản của chị Hoàng Thị Mỹ Ng nên bà thay đổi yêu cầu khởi kiện

yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với diện tích đất còn lại là 1.854,8m² (gồm các điểm 1,3,4,5,6,7,12 được ghi nhận theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 27-02-2020). Đối với hai cái ao có diện tích 1.295,8m² bà không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn phản tố ngày 07/01/2019, đơn phản tố ngày 6/11/2019 của bị đơn ông Võ Văn Th1 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Võ Quốc P trình bày:

Ông Võ Văn Th1 xác nhận bà Hà Thị L1 chết năm 2012. Khi chết bà Hà Thị L1 không để lại di chúc. Bà Hà Thị L1 có 05 người con là Võ Kim A, Võ Văn Th1, Võ Thị Th, Võ Thị Kim L2 và Võ Thị Th là hàng thừa kế thứ nhất của bà Hà Thị L1. Khi bà Hà Thị L1 còn sống thì bà Hà Thị L1 có tài sản là: Diện tích đất 1.027,6m² có số tờ bản đồ 31 tọa lạc khu Đức Lập, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đã được UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 490/QSDĐ ký ngày 8/12/2003 đứng tên hộ bà Hà Thị L1. Diện tích đất này được chia thành 05 thửa gồm: Thửa số 47 có diện tích đất 295,5m²; Thửa đất số 65 có diện tích đất 162,9m²; Thửa đất số 66 có diện tích đất 162,9m²; Thửa đất số 67 có diện tích 161,7m² và thửa đất số 69 có diện tích 244,6m². Khi còn sống bà Hà Thị L1 tặng cho bà Võ Thị Kim L2 thửa đất số 66 và thửa đất số 67 với tổng diện tích là 424,6m². Bà Hà Thị L1 tặng cho ông Võ Kim A diện tích đất 195,6m² thuộc thửa đất số 69 và ông Võ Kim A cho con trai là anh Võ Mã Phi đứng tên giấy CNQSDĐ. Bà Hà Thị L1 còn lại diện tích đất là 246,6m² và tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp IV.

Đến năm 2005 thì bà Hà Thị L1 có làm giấy ủy quyền đất thổ cư nhà ở cho con được thừa kế cho ông Võ Văn Th1 và bà Võ Thị Kim L diện tích đất còn lại của thửa đất số 65 và thửa đất số 47. Việc ủy quyền này có làm giấy tờ và xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn. Nội dung ủy quyền: Ông Võ Văn Th1 được thừa kế phần đất có chiều ngang 16 mét, chiều dài 24 mét (là phần đất giáp với đất bà Võ Thị Kim L2). Bà Võ Thị Kim L được thừa kế nhà ở cấp IV với phần đất có chiều ngang 14 mét, chiều dài 24 mét (là phần đất giáp với đất của ông Võ Kim A). Sau khi bà Hà Thị L1 ủy quyền thì ông Võ Văn Th1 và bà Võ Thị Kim L nhận đất quản lý từ năm 2005. Đến năm 2007 thì ông Võ Văn Th1 bà Nguyễn Thị Mỹ D (là vợ của ông Võ Văn Th1) được UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy CNQSDĐ số H00215 ký ngày 21/12/2007 theo nội dung của giấy ủy quyền. Đối với phần đất bà Hà Thị L1 ủy quyền cho bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim L đã quản lý đất từ năm 2005 cho đến nay. Phần đất này là của bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn Th1 không có tranh chấp đối với phần tài sản này. Đối với việc bà Võ Thị Kim L khai ông Võ Văn Th1 không đồng ý ký các giấy tờ là do văn bản phân chia tài sản thừa kế ghi nhận nội dung là cho lại toàn bộ di sản được thừa kế để cho Võ Mã Phi quản lý, sở hữu là không đúng ý chí của bà Hà Thị L1 vì phần di sản này bà Hà Thị L1 cho con gái là Võ Thị Kim L. Tại phiên tòa, ông Võ Văn Th1 thừa nhận trong phần diện tích đất nhà bà Hà Thị

L1 để lại ông có lần chiếm 18,5m² diện tích đất và đã xây nhà trên phần diện tích đất này. Tại phiên tòa, ông đề nghị Tòa án xem xét giao phần diện tích đất còn lại là 228,1m² cùng tài sản trên đất cho bà Võ Thị Kim L quản lý, sử dụng, sở hữu vì phần đất này bà Hà Thị L1 khi còn sống có nguyện vọng để lại cho bà Võ Thị Kim L.

Đối với diện tích đất 7630,5m² và diện tích đất 3150,6m² tọa lạc tại Hồ Bảy Mẫu, Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước không phải là di sản của bà Hà Thị L1. Hai diện tích đất này là tài sản của vợ chồng ông Võ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ Dung. Nguồn gốc của tài sản này là do vợ chồng ông Võ Văn Th1, bà Nguyễn Thị Mỹ D nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Đình Chung bà Dương Thị Bình vào năm 1985. Việc chuyển nhượng có làm giấy tờ. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì trên đất có 01 căn nhà gỗ, có trồng cây điều và một ít gốc lồ ô. Sau đó, ông Võ Văn Th1 có trồng thêm cây cà phê ở phần cuối bung và một số cây sầu riêng. Ngoài ra, ông Võ Văn Th1 còn đào ao sát với ranh đất nhà ông Lê Xuân Huy. Việc ông Võ Văn Th1 đào ao, phát dọn lồ ô...ông Võ Văn Th1 có người làm chứng. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng phần đất có tứ ranh như sau: một bên giáp với đất ông Lê Xuân Huy có cột sắt làm hàng rào (nay ông Lê Xuân Huy xây nhà sát với ranh đất), một bên giáp với đất ông Cần có bụi tre làm ranh ở phần cuối đuôi đất còn phần đầu đất có hàng điều làm ranh, một bên giáp với bờ hồ, một bên giáp đất khu quân sự có hàng tre làm ranh. Đến năm 2015 ông Võ Văn Th1, bà Nguyễn Thị Mỹ D kê khai cấp giấy CNQSDĐ thì bà Võ Thị Kim L2, ông Võ Kim A và bà Võ Thị Kim L tranh chấp. Nay ông Võ Văn Th1 có đơn phản tố đề nghị Tòa án xem xét công nhận diện tích đất 7630,5m², diện tích đất ao là 3150,6m² là tài sản của vợ chồng ông bà.

Ngoài ra, ông Võ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D còn tài sản là diện tích đất 3948,5m² tọa lạc tại Hồ Bảy Mẫu, Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng ông Võ Văn Th1 do thấy hoàn cảnh của chị Hoàng Thị Mỹ Ng khó khăn nên cho chị Hoàng Thị Mỹ Ng mượn diện tích đất này để sinh sống. Việc cho mượn này không làm giấy tờ. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng chị Hoàng Thị Mỹ Ng đã xây nhà cấp IV và không chịu trả lại diện tích đất cho vợ chồng ông Võ Văn Th1. Nay ông Võ Văn Th1 yêu cầu vợ chồng chị Hoàng Thị Mỹ Ng anh Phạm Quốc P1 trả lại diện tích đất 3948,5m² và tháo dỡ, di dời căn nhà xây dựng trên phần đất của vợ chồng ông Võ Văn Th1. Ngày 19/4/2021 và tại phiên tòa ông Võ Văn Th1 xin rút yêu cầu phản tố này. Tại phiên tòa, các đồng thừa kế đều khai nhận trong phần diện tích đất 3150,6m² có hai cái ao có diện tích là 1.295,8m² là tài sản của chị Hoàng Thị Mỹ Ng, không yêu cầu giải quyết nên ông Võ Văn Th1 rút phần yêu cầu giải quyết đối với diện tích 1.295,8m². Tại phiên tòa, ông đề nghị Tòa án giải quyết diện tích đất 7630,5m², diện tích đất ao là 1.854,8m² là tài sản của vợ chồng ông bà.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 24/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Kim A trình bày:

Ông là con ruột của bà Hà Thị L1, là anh trai của bà Võ Thị Kim L. Ông thống nhất với lời khai của bà Võ Thị Kim L về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, ngày cha chết, ngày mẹ chết, tài sản để lại của mẹ để lại khi chết và việc quản lý, sử dụng của tài sản của bà Võ Thị Kim L từ khi bà Hà Thị L1 còn sống cho đến khi chết.

Ông cũng thống nhất với yêu cầu của bà Võ Thị Kim L, đề nghị Tòa án xem xét xác định diện tích đất là $246,6m^2$ cùng tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp IV thuộc thửa đất số 47 và một phần thửa đất số 69 tờ bản đồ số 31, diện tích đất $7630,5m^2$ (trên đất trồng cây điều) và diện tích đất $3150,6m^2$ (trên đất có 03 cái ao) đều tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước là di sản của bà Hà Thị L1. Ông đồng ý chia di sản của bà Hà Thị L1 thành 5 phần cho 5 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất, ông nhận 01 kỷ phần và có nguyện vọng nhận bằng hiện vật là diện tích đất rẫy. Đối với kỷ phần là diện tích đất đất nhà ông có nguyện vọng giao lại kỷ phần ông được nhận cho bà Võ Thị Kim L quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, ông xác nhận đối với phần diện tích đất $18,5m^2$ ông Võ Văn Th1 đã lấn chiếm và xây nhà, ông không yêu cầu giải quyết. Ông đồng ý với yêu cầu của ông Võ Văn Th1, đề nghị Tòa án xem xét giao phần diện tích đất còn lại là $228,1m^2$ cùng tài sản có trên đất cho bà Võ Thị Kim L quản lý, sử dụng, sở hữu.

Đối với phần diện tích đất $3150,6m^2$ tọa lạc tại Hồ Bảy Mẫu, Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, ông nhất trí với lời khai của bà Võ Thị Kim L trên diện tích đất này có hai cái ao với diện tích là $1.295,8m^2$ là tài sản của chị Hoàng Thị Mỹ Ng, nên phần diện tích đất còn lại ông yêu cầu chia di sản thừa kế là $1.854,8m^2$.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 24/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim L2 trình bày:

Bà là con ruột của bà Hà Thị L1, là em gái của bà Võ Thị Kim L. Bà thống nhất với lời khai của bà Võ Thị Kim L về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, ngày cha chết, ngày mẹ chết, tài sản để lại của mẹ để lại khi chết và việc quản lý, sử dụng của tài sản của bà Võ Thị Kim L từ khi bà Hà Thị L1 còn sống cho đến khi chết.

Bà cũng thống nhất với yêu cầu của bà Võ Thị Kim L, đề nghị Tòa án xem xét xác định diện tích đất là $246,6m^2$ cùng tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp IV thuộc thửa đất số 47 và một phần thửa đất số 69 tờ bản đồ số 31, diện tích đất $7630,5m^2$ (trên đất trồng cây điều) và diện tích đất $3150,6m^2$ (trên đất có 03 cái ao) đều tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước là di sản của bà Hà Thị L1. Bà đồng ý chia di sản của bà Hà Thị L1 thành 5 phần cho 5 người

con thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bà nhận 01 kỷ phần và có nguyện vọng nhận bằng hiện vật là diện tích đất rẫy. Đối với kỷ phần là diện tích đất đất nhà bà có nguyện vọng giao lại kỷ phần ông được nhận cho bà Võ Thị Kim L quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, bà xác nhận đối với phần diện tích đất 18,5m² ông Võ Văn Th1 đã lấn chiếm và xây nhà, bà không yêu cầu giải quyết. Bà đồng ý với yêu cầu của ông Võ Văn Th1, đề nghị Tòa án xem xét giao phần diện tích đất còn lại là 228,1m² cùng tài sản có trên đất cho bà Võ Thị Kim L quản lý, sử dụng, sở hữu.

Đối với phần diện tích đất 3150,6m² tọa lạc tại Hồ Bảy Mẫu, Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, bà nhất trí với lời khai của bà Võ Thị Kim L trên diện tích đất này có hai cái ao với diện tích là 1.295,8m² là tài sản của chị Hoàng Thị Mỹ Ng, nên phần diện tích đất còn lại bà yêu cầu chia di sản thừa kế là 1.854,8m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn yêu cầu độc lập ngày 24/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Th trình bày:

Bà là con của bà Hà Thị L1. Bà thống nhất với lời khai của bà Võ Thị Kim L về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, ngày cha chết, ngày mẹ chết, tài sản để lại của mẹ để lại khi chết và việc quản lý, sử dụng của tài sản của bà Võ Thị Kim L từ khi bà Hà Thị L1 còn sống cho đến khi chết.

Bà cũng thống nhất với yêu cầu của bà Võ Thị Kim L, đề nghị Tòa án xem xét xác định diện tích đất là 246,6m² cùng tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp IV thuộc thửa đất số 47 và một phần thửa đất số 69 tờ bản đồ số 31, diện tích đất 7630,5m² (trên đất trồng cây điều) và diện tích đất 3150,6m² (trên đất có 03 cái ao) đều tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước là di sản của bà Hà Thị L1. Bà đồng ý chia di sản của bà Hà Thị L1 thành 05 phần cho 05 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bà nhận 01 kỷ phần và có nguyện vọng nhận bằng hiện vật là diện tích đất rẫy. Đối với kỷ phần là diện tích đất nhà bà có nguyện vọng giao lại kỷ phần bà được nhận cho bà Võ Thị Kim L quản lý, sử dụng, sở hữu.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Mỹ Ng trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất chị đang quản lý, sử dụng là do bà Hai Chung tặng cho vào năm 1984. Chị và bà Hai Chung không có quan hệ họ hàng gì, nhưng bà Hai Chung nhận chị làm cháu và nuôi dạy chị. Đến năm chị 09 tuổi thì chị được bà Hai Chung tặng cho diện tích đất khoảng 03 sào tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Khi tặng cho đất bà Hai Chung không làm giấy tờ, không có người làm chứng. Hiện trạng đất khi tặng cho là đất bưng, cỏ tranh um tùm. Đến năm 1990 thì chị lập gia đình rồi dựng nhà tạm (bằng vách

phên, tranh) sinh sống trên diện tích đất này. Đến năm 2005 thì vợ chồng xây căn nhà cấp IV. Khi vào diện tích đất sinh sống thì chị có làm hàng rào bằng kẽm gai và cột gỗ xung quanh ba mặt. Phần diện tích đất vợ chồng chị quản lý, sử dụng có diện tích đất khoảng 1 sào 7 (theo kết quả đo đạc là 271,6m²) còn phần đất bung giáp Hồ Bảy mẫu chị không quản lý, sử dụng. Đến khoảng năm 2008 ông Nguyễn Trung Lập vào phần đất để trồng và tiến hành đào 02 cái ao có tổng diện tích 1.295,8m². Khi ông Nguyễn Trung Lập đào ao không hỏi ý kiến của chị, chị thấy đất để trồng không ai sử dụng nên chị không có phản đối gì. Quá trình quản lý, sử dụng đất Ủy ban nhân dân thị trấn có thu thuế, không biết là thuế gì thu trong vòng mấy năm thì không thu thuế nữa. Từ trước đến nay chị quản lý, sử dụng đất không có ai tranh chấp. Đến những năm gần đây thì ông Võ Văn Th1 tranh chấp với tôi. Nay ông Võ Văn Th1 cho rằng phần đất này là của ông Võ Văn Th1, chị không đồng ý. Chị đề nghị Tòa án xem xét công nhận phần diện tích đất 2.093,7m² (gồm các điểm 1,12,7,8,9,10,11,13 ghi nhận theo bản đồ địa chính ngày 27-02-2020) là tài sản của chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quốc P1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quốc P1 trình bày:

Anh sinh sống tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước từ năm 1984 cho đến nay. Thời gian đầu anh sống cùng gia đình tại diện tích đất ở Hồ Bảy mẫu (sát ranh đất nhà bà Bảy). Sau đó, ba anh chuyển nhượng diện tích gia đình đang sinh sống cho bà Đẹp và chuyển vào sâu bên trong đó mấy trăm mét sinh sống. Vào khoảng năm 1991, năm 1992 anh lấy chị Hoàng Thị Mỹ Ng nhưng sinh sống ở nơi khác. Đến năm 1995 thì anh và chị Hoàng Thị Mỹ Ng quay lại sống trên diện tích đất mà vợ chồng đang ở hiện nay cho đến nay. Đối với các nội dung khác anh nhất trí với lời khai của chị Hoàng Thị Mỹ Ng, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D (vợ ông Thật) trình bày:

Diện tích đất 246,6m² cùng tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp IV đã được cấp giấy CNQSDĐ đứng tên bà Hà Thị L1 là di sản của bà Hà Thị L1 để lại, bà không có ý kiến, yêu cầu gì. Đối với diện tích đất tại Hồ Bảy mẫu, khu Đức Lợi, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước là tài sản chung của bà và ông Võ Văn Th1. Bà hoàn toàn đồng ý lời khai của bị đơn và thống nhất với đơn phản tố của ông Võ Văn Th1, yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất tại Hồ Bảy mẫu, khu Đức Lợi, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước là tài sản của bà và ông Võ Văn Th1.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước trình bày:

Tại văn bản số 910/UBND-NC ngày 31/5/2021 gửi Tòa án huyện B, UBND huyện B cho rằng: Trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSDĐ cho bà Hà Thị L1 và việc 02 thửa đất tọa lạc ở hai vị trí tọa độ khác nhau được cấp chung 01 giấy CNQSDĐ số 152/QSDĐ ký ngày 06/5/2002 là đúng với quy định của pháp luật (Luật Đất đai năm 1992 và Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy CNQSDĐ).

Diện tích đất 7630,5m² và diện tích đất 3150,6m² thuộc thửa đất số 138 và thửa đất số 139 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 152/QSDĐ ký ngày 06/5/2002 đứng tên Hà Thị L1 là trên cơ sở nguồn gốc do hộ bà Hà Thị L1 kê khai là do tự khai phá năm 1978 và đã được UBND thị trấn Đức Phong xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định, UBND huyện vào ý kiến xét duyệt của UBND thị trấn để cấp giấy chứng nhận trên theo quy định. Nếu trong quá trình thu thập thông tin, giải quyết vụ án mà Tòa án có đủ căn cứ thu hồi, hủy giấy CNQSDĐ của hộ bà Hà Thị L1 thì UBND huyện thực hiện theo Quyết định của Tòa án.

Tại văn bản số 737/UBND-TD ngày 13/6/2022 và văn bản số 1151/UBND ngày 24/6/2022 gửi Tòa án tỉnh Bình Phước, UBND huyện B trình bày: quá trình cấp GCNQSDĐ số 152 ngày 06/5/2002 cho hộ bà Hà Thị L1, cơ quan có thẩm quyền không tiến hành thực hiện các thủ tục như: lập phiếu lấy ý kiến khu dân cư, danh sách công khai và niêm yết công khai danh sách xin cấp GCNQSDĐ, không lập biên bản xác định mốc giới đối với các diện tích được cấp trong GCNQSDĐ nêu trên, có tiến hành đo đạc, ranh giới với sự chỉ ranh của các hộ liền kề, trích lục bản đồ. Nguyên nhân vào thời điểm đo các thửa được thực hiện đo đạc chính quy và xét cấp GCN đồng loạt nên không thực hiện như các trường hợp cấp GCN riêng lẻ. Lý do diện tích 295,5m² thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 31 được cấp cùng 02 thửa 138 và 139 tại GCN số 152 ngày 06/5/2002 cho hộ bà Lơ nhưng vào ngày 08/12/2003 lại tiếp tục được cấp tại GCN số 490 cùng các thửa 65, 66, 67, 69 cho hộ bà Lơ là do GCN số 152 đo đạc sai hiện trạng, bà Lơ không nhận GCN này về nên UBND huyện đã không tiến hành giao GCN số 152 cho bà Lơ, đã thu hồi GCN số 152 và tiến hành cấp GCN số 490 ngày 08/12/2003 cho bà Lơ. Trường hợp, Tòa án tuyên hủy GCN số 152 hoặc giữ nguyên nội dung “Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước thu hồi GCNQSDĐ số 152/QSDĐ do UBND huyện B ký ngày 06/5/2002 đứng tên hộ bà Hà Thị L1” mà Tòa án Bù Đăng đã tuyên tại Bản án sơ thẩm số 62/2021/DSST ngày 08/12/2021 thì khi bản án có hiệu lực UBND huyện sẽ thực hiện theo đề nghị của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng bà Dương Thị Bình trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Đình Chung. Vợ chồng bà có diện tích đất tại Hồ Bảy Mẫu, Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Nguồn gốc là do khai phá. Khai phá năm nào không nhớ rõ, khai phá cùng thời điểm với ông Phạm Văn Cần khai phá sát ranh. Vào khoảng năm 1985, vợ chồng bà có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Võ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D diện tích đất tại Hồ Bảy Mẫu, Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước với giá 01 chỉ vàng. Về diện tích đất chuyển nhượng bà không xác định rõ diện tích đất nhưng trong giấy sang nhượng đất rẫy có ghi nhận diện tích đất khoảng 9.000m² và bà xác định tứ cận diện tích đất tại thời điểm chuyển nhượng hai bên giáp đất ông Phạm Văn Cần, bên trên giáp đất quân đội, bên dưới giáp đường (bên kia đường là Hồ Bảy Mẫu). Bà xác định diện tích đất vợ chồng bà chuyển nhượng cho ông Võ Văn Th1 bà Nguyễn Thị Mỹ D không phải là diện tích đất 03 sào ở dưới bung mà diện tích đất chuyển nhượng kéo dài từ giáp bờ Hồ lên đến đỉnh đồi giáp đất quân đội. Hiện trạng đất chuyển nhượng trên đất trồng cây điều thưa thớt do bị chết nhiều. Vợ chồng bà đã bàn giao đất cho vợ chồng ông Võ Văn Th1. Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị Đông trình bày:

Bà đồng ý với lời khai của bà Dương Thị Bình. Bà là chị ruột của ông Nguyễn Đình Chung. Bà xác định vợ chồng ông Nguyễn Đình Chung bà Dương Thị Bình có diện tích đất tại Hồ Bảy Mẫu, Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: Hai bên giáp đất ông Phạm Văn Cần (đất của ông Nguyễn Đình Chung nằm chính giữa đất ông Phạm Văn Cần), bên trên giáp đất quân đội. Về diện tích đất thì bà không biết chính xác do lúc đó không có đo đạc chính quy. Bà biết diện tích đất vợ chồng ông Nguyễn Đình Chung chuyển nhượng cho vợ chồng ông Võ Văn Th1 là từ Hồ Bảy Mẫu lên trên đỉnh đồi giáp đất quân đội. Do bà có diện tích đất gần đó nên biết rõ về diện tích đất này. Sau đó vợ chồng ông Nguyễn Đình Chung đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Võ Văn Th1 diện tích đất này. Khi các bên thỏa thuận chuyển nhượng bà không chứng kiến nhưng có nghe ông Nguyễn Đình Chung kể lại. Bà nghe ông Nguyễn Đình Chung nói các bên có làm giấy tờ. Ngoài ra, bà không chứng kiến sự việc nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, giao diện tích đất 228,1m² (nằm trong diện tích đất 246,6m² đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 490/QSĐ đứng tên hộ bà Hà Thị L1 ký ngày 08/12/2003) thuộc thửa đất số 47 và một phần thửa đất số 69 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (gồm các điểm A,4,5,B) theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 05-10-2018 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) cùng tài sản trên đất là 01

căn nhà cấp IV có diện tích $76,5m^2$ cho bà Võ Thị Kim L quản lý, sử dụng, sở hữu.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L đối với phần diện tích đất $9.485,5m^2$ tọa lạc tại Hồ Bảy Mẫu, tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

3/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn Th1 về việc xác định quyền sở hữu.

Công nhận diện tích đất $7630,5m^2$ thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 24 (được ký hiệu từ điểm 01 đến điểm 13 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 05-10-2018 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) cùng tài sản trên đất là cây điều có mật độ trồng là $08m \times 08m$ tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc quyền quản lý, sử dụng, sở hữu của ông Võ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Công nhận diện tích đất $491,1m^2$ (được ký hiệu gồm các điểm 3,17,18,19,1,2 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 27-02-2020 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) cùng tài sản trên đất là cây điều có mật độ trồng là $08m \times 08m$ tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc quyền quản lý, sử dụng, sở hữu của ông Võ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Ông Võ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D tạm thời sử dụng diện tích đất $755,0m^2$ (được ký hiệu gồm các điểm 17,4,5,6,15,13,19,18 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 27-02-2020 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) và diện tích đất ao $608,7m^2$ (được ký hiệu gồm các điểm 5,6,7,15,16 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 27-02-2020 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) cho đến khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc trả lại hay thu hồi.

4/ Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 152/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước ký ngày 6/5/2002 đứng tên hộ bà Hà Thị L1.

5/ Bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn Th1, bà Nguyễn Thị Mỹ D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, sang tên, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp sau khi trích, đo địa chính mà có sự biến động về vị trí, diện tích, tứ cận thì bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn Th1, bà Nguyễn Thị Mỹ D có quyền tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh.

6/ Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim L2 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất $9.485,5m^2$

7/ Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Th về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất 9.485,5m²

8/ Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Kim A về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất 9.485,5m²

9/ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn Th1 đối với phần diện tích đất 1.523,5m²; nếu sau này đương sự khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 20/12/2021, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim L2, ông Võ Kim A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Long và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Liên, ông Kim Anh về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất rẫy 9.485,5m² tọa lạc tại khu vực Hồ Bảy Mẫu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Long, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Liên xác định chỉ yêu cầu được chia thừa kế trong phần đất phía trên, tức phần đất có diện tích 7630,5m².

- Bị đơn ông Thật tự nguyện giao cho bà Long số tiền 150.000.000đ trị giá công sức đóng góp trong việc duy trì tài sản đối với phần đất rẫy tại khu Hồ Bảy Mẫu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử: không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Long và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Liên, ông Kim Anh; sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của ông Thật về việc ông thật tự nguyện giao cho bà Long số tiền 150.000.000đ trị giá công sức duy trì vườn cây, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện B về các nội dung khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1- Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim L2, ông Võ Kim A làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Long, bà Liên và ông Kim Anh Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Đối với phần diện tích đất 228,1m² (nằm trong diện tích đất 246,6m² đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 490/QSĐ đứng tên hộ bà Hà Thị L1 ký ngày 08/12/2003). Bản án sơ thẩm đã công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự, giao diện tích đất 228,1m² (nằm trong diện tích đất 246,6m² đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 490/QSĐ đứng tên hộ bà Hà Thị L1 ký ngày 08/12/2003) thuộc thửa đất số 47 và một phần thửa đất số 69 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại Khu Đức T, thị trấn Đức Phong, huyện B, tỉnh Bình Phước (gồm các điểm A,4,5,B) theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 05-10-2018 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) cùng tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp IV có diện tích 76,5m² cho bà Võ Thị Kim L quản lý, sử dụng, sở hữu. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Đối với diện tích đất rẫy 9.485,5m² (gồm 7630,5m² và 1854,8m²) tọa lạc tại khu vực Hồ Bảy Mẫu, Khu Đức T, thị trấn Đức Phong, huyện B, tỉnh Bình Phước:

[2.3] Tại đơn kháng cáo, nguyên đơn bà Võ Thị Kim L2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Kim A và bà Võ Thị Kim L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập về chia di sản thừa kế đối với phần đất 9.485,5m² này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Long, bà Liên xác định nay các bà chỉ yêu cầu Tòa phúc thẩm buộc ông Thật-bà Dung chia thừa kế cho các bà trong phần đất trên cao 7630,5m² vì cho rằng phần đất này là di sản của bà Lơ để lại, phần còn lại giáp Hồ Bảy Mẫu là đất do ông Thật-bà Dung nhận chuyển nhượng nên không yêu cầu chia. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, ông Kim Anh, bà Long, bà Thế và bà Liên cho rằng diện tích đất là 7630,5m² và diện tích đất 3150,6m² (gồm phần đất có diện tích 1.295,8m² của 02 cái ao do vợ chồng chị Ngọc - anh Phong đang quản lý, sử dụng và phần đất có diện tích 1.854,8m²) cùng tài sản trên đất tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước là di sản của bà Hà Thị L1 để lại sau khi chết. Nguồn gốc của tài sản này là do bà Hà Thị L1 khai phá từ năm

1980 và tiến hành trồng cây điều, việc bà Hà Thị L1 đã được UBND huyện B cấp giấy CNQSDĐ số 152/QSDĐ ký ngày 06/5/2002 đối với hai thửa đất này là căn cứ chứng minh tài sản này là của bà Hà Thị L1. Đồng thời, ông Kim Anh, bà Long, bà Thế và bà Kim Liên đều có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các phần đất này và yêu cầu được nhận một kỷ phần bằng hiện vật đối với các phần đất trên.

[2.5] Ông Thật và bà Dung không thừa nhận tài sản này là di sản của bà Hà Thị L1 mà cho rằng đây là tài sản của ông bà có được từ việc ông bà nhận chuyển nhượng rẫy đã trồng Điều của vợ chồng ông Nguyễn Đình Chung, bà Dương Thị Bình vào ngày 21/12/1985 sau đó cho mẹ và em là bà Lơ và bà Long thu hoạch Điều. Tuy nhiên, trong phần đất 3.150,6m² có phần đất 1.295,8m² là diện tích của 02 cái ao (một ao 725,6m² và một ao 570,2m²) thì ông Thật-bà Dung không tranh chấp, ông bà yêu cầu Tòa công nhận phần đất 1.854,8m² còn lại và phần 7630,5m² là của ông bà.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.6] Bị đơn bà Long và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là các ông bà Kim Anh, Thế, Liên trong quá trình giải quyết vụ án đều thừa nhận ông Thật, bà Dung có nhận chuyển nhượng đất của người khác, Nhưng, bị đơn bà Long thì cho rằng diện tích đất ông Thật, bà Dung nhận chuyển nhượng chỉ là phần đất khoảng 03 sào (tại phiên tòa phúc thẩm bà Long cho rằng phần đất này chính là phần đất phía dưới từ đường xuống mép Hồ Bảy Mẫu có diện tích 3150,6m²), còn phần đất còn lại 7630,5m² là do bà Lơ và bà Long khai phá thêm nên bà yêu cầu được chia. Còn những người liên quan còn lại thì không xác định được vị trí đất ông Thật-bà Dung nhận chuyển nhượng. Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa, các bên đều xác nhận đất rẫy mà các bên đang tranh chấp có địa hình dốc, phần đất 7630,5m² nằm ở phía trên cao, dốc dần xuống phần đất có diện tích 3150,6m² rồi đến miệng Hồ Bảy Mẫu, giữa phần đất 7630,5m² và diện tích đất 3150,6m² hiện nay được phân định bằng một con đường bê tông. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn bà Long và bị đơn ông Thật đều xác nhận trước đây con đường này không phải nằm ở vị trí giữa đất như bây giờ mà nằm dịch về phía dưới sát Hồ Bảy Mẫu, sau này do đường nằm gần hồ nên trũng và ngập úng, khó đi lại, để thuận tiện đi lại thì con đường mới được dịch chuyển lên phía trên như hiện nay. Xét, việc bà Long cho rằng phần đất 7630,5m² là do bà Lơ và bà khai phá và chỉ thừa nhận ông Thật, bà Dung nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 3150,6m², nhưng bà Long lại không có chứng cứ chứng minh việc mình cùng bà Lơ khai phá phần đất này. Trong khi, tại phiên tòa phúc thẩm bà Long không xác định được bà Lơ và bà khai phá, trồng Điều trên đất từ năm nào. Bà Liên và bà Thế cũng trình bày không biết gì về việc khai phá của bà Lơ, nay chỉ thấy bà Long độc thân không chồng, không con nên yêu cầu độc lập với mục đích là muốn cho bà Long có thêm tài sản để bảo đảm cuộc sống của bà Long lúc về già. Việc nguyên đơn và những người

liên quan có yêu cầu độc lập cũng trình bày mâu thuẫn về thời gian bà Long và bà Lơ khai phá thêm, cụ thể: các đương sự này thừa nhận có việc ông Thật-bà Dung nhận chuyển nhượng đất, sau đó bà Lơ và bà Long khai phá thêm nhưng bà Long cho rằng bà và bà Lơ khai phá từ năm 1980, tuy nhiên theo giấy sang nhượng mà ông Thật-bà Dung cung cấp thì thời gian ông Thật-bà Dung nhận chuyển nhượng là 21/12/1985. Như vậy, việc bị đơn cho rằng bà Lơ, bà Long khai phá từ 1980, trước thời điểm ông Thật-bà Dung nhận chuyển nhượng là mâu thuẫn.

[2.7] Lời trình bày của bị đơn ông Võ Văn Th1, bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc ông bà cho rằng phần đất rẫy tại Hồ Bảy Mẫu này là tài sản do ông bà nhận chuyển nhượng của ông Chung-bà Bình từ năm 1985 là phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Đông và bà Dương Thị Bình (bút lục số 43, 44); phù hợp với chứng cứ là Giấy sang nhượng đất rẫy lập ngày 21/12/1985 giữa ông Chung-bà Bình (nay ông Chung đã chết) với nội dung cơ bản là ông Chung-bà Bình *“thỏa thuận sang nhượng lại cho ông bà Võ Văn Th1 và Nguyễn Thị Mỹ D một miếng rẫy 9.000m² từ bờ ruộng 7Ha lên đỉnh đồi với giá 1 chỉ vàng 24 ka ra”* (bút lục 141). Theo ông Thật-bà Dung thì 9000m² này được tính từ bờ ruộng 07 ha (hay gọi là Hồ Bảy Mẫu) lên đỉnh đồi, có tứ cận hai bên giáp đất ông Phạm Văn Cần, một bên giáp đất của quân đội, bên dưới giáp đường. Người làm chứng là bà Dương Thị Bình là người chuyển nhượng đất cho ông Thật-bà Dung cũng xác nhận phần đất vợ chồng bà sang nhượng cho ông Thật-bà Dung có tứ cận là hai bên giáp đất ông Phạm Văn Cần, một bên giáp đất của quân đội, bên dưới giáp đường (bút lục số 44). Lời trình bày này của bà Bình cũng phù hợp với lời trình bày của anh Phạm Quốc Việt là con của ông Phạm Văn Cần tại biên bản ghi lời khai lập ngày 15/10/2018: *“Ông Phạm Văn Cần là cha của ông cùng gia đình có khai phá diện tích đất ở gần Hồ Bảy Mẫu. Tại thời điểm khai phá có ông Nguyễn Đình Chung (tên gọi khác là Bảy Chung) cùng khai phá sát ranh. Đất của ông Phạm Văn Cần nằm ở hai bên đất của ông Bảy Chung”*.

[2.8] Xét quá trình canh tác, sử dụng: phía bà Liên, bà Long cho rằng diện tích đất 9.485,5m² do bà Hà Thị L1 và bà Võ Thị Kim L canh tác, sử dụng, thu hoạch hoa lợi từ lúc khai phá đến năm 2017, năm 2018 gia đình ông Võ Văn Th1 mới vào tranh chấp và canh tác, sử dụng cho đến nay. Lời trình bày của bà Liên, bà Long có anh Phạm Quốc P1 và chị Hoàng Thị Mỹ Ng làm chứng xác nhận với nội dung từ khi anh chị vào đất thì anh chị đã thấy có bà Lơ và bà Long vào đất. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là ông Phạm Quốc Việt, ông Lê Xuân Huy lại xác nhận thường xuyên thấy cha con ông Võ Văn Th1 vào phần đất này chăm nom đất, phát dọn, tĩa cành. Ông Lê Xuân Huy còn cho rằng: *“Khi tôi nhờ hai bên ký giáp ranh thì bà Lơ không ký giấy tờ mà nói là đất của ông Cỏ (ông Võ Văn Th1) nên tôi có đưa cho ông Cỏ ký giáp ranh”* (bút lục số 80, 45). Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Trung Lập (bút lục số 48) cũng xác nhận: vào khoảng năm 1995 ông Lập có nhu cầu

làm đường đi xuống ao, ông có hỏi ông Thập để hỏi mua 02 đến 04m để làm đường đi nhưng ông Thập nói nhà đông con nên không bán, ông Lập có qua hỏi bà Lơ “....*Tuy nhiên, bà Lơ nói là qua hỏi Tư Cổ (tên thường gọi của ông Võ Văn Th1) còn bà Lơ không phải là chủ diện tích đất này, không biết về việc mua bán con đường đi này*”. Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn Th1 cung cấp cho Tòa án một số giấy mời do UBND thị trấn mời ông Thập tham gia các cuộc họp để bàn về việc làm đường vào Hồ Bảy Mẫu, về việc thu hồi mặt nước nuôi cá ở Hồ Bảy Mẫu (bút lục 315-317), trong khi các đương sự đều thừa nhận ngoài phần đất đang tranh chấp tại khu Hồ Bảy Mẫu thì ông Thập-bà Dung không còn diện tích đất nào khác tại địa chỉ này.

[2.9] Trên hết, xét đối với GCNQSDĐ số 152/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 06/5/2002 đứng tên hộ bà Hà Thị L1 - (sau đây viết tắt là: GCN số 152 -bút lục 133). Phía nguyên đơn cho rằng đây là căn cứ để chứng minh đất là di sản do bà Lơ để lại. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: GCN này do UBND huyện B cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với GCN số 152 chỉ gồm Đơn xin cấp và bản phôi tờ GCN số 152. GCN số 152 có nội dung cấp cho hộ bà Hà Thị Lơ các diện tích đất gồm 768,6m², 7.648,5m² và 295,5m². So sánh với hiện trạng thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 12020-2020 ngày 27/02/2020 và Mảnh trích đo địa chính số 12020-2018 ngày 05/10/2018 đang sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án thì diện tích 768,6m² ghi trong GCN số 152 có vị trí tương ứng với vị trí phần đất 1.854,8m² đang tranh chấp, vị trí của 7.648,5m² ghi trong GCN số 152 tương ứng với vị trí của 7630,5m² đang tranh chấp còn 295,5m² ghi trong CGN 152 chính là diện tích đo thực tế hiện nay 246,6m² có nhà ở như đánh giá tại đoạn [3.1] trên.

[2.10] Tại Tòa sơ thẩm và phúc thẩm tất cả các bên đều thừa nhận không ai biết gì về GCN này, không ai biết bà Lơ có đi đăng ký làm sổ đối với đất này đồng thời khẳng định chữ ký, chữ viết tên Hà Thị L1 ghi trong đơn đăng ký không phải của bà Lơ. Tại văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án cấp phúc thẩm số 737/UBND-TD ngày 13/6/2022 và văn bản số 1151/UBND ngày 24/6/2022, UBND huyện B đã có ý kiến: “*quá trình cấp GCNQSDĐ số 152 ngày 06/5/2002 cho hộ bà Hà Thị L1, cơ quan có thẩm quyền không tiến hành thực hiện các thủ tục như: lập phiếu lấy ý kiến khu dân cư, danh sách công khai và niêm yết công khai danh sách xin cấp GCNQSDĐ, không lập biên bản xác định mốc giới đối với các diện tích được cấp trong GCNQSDĐ nêu trên, có tiến hành đo đạc, ranh giới với sự chỉ ranh của các hộ liền kề, trích lục bản đồ. Nguyên nhân, vào thời điểm đo các thửa được thực hiện đo đạc chính quy và xét cấp GCN đồng loạt nên không thực hiện như các trường hợp cấp GCN riêng lẻ. Lý do diện tích 295,5m² thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 31 được cấp cùng 02 thửa 138 và 139 tại GCN số 152 ngày 06/5/2002 cho hộ bà Lơ nhưng vào ngày 08/12/2003 lại tiếp tục được cấp tại GCN số 490 cùng các thửa 65, 66, 67, 69 cho hộ bà Lơ là do GCN số 152 đo đạc sai hiện trạng, bà Lơ không nhận GCN này về nên*

UBND huyện đã không tiến hành giao GCN số 152 cho bà Lơ, đã thu hồi GCN số 152 và tiến hành cấp GCN số 490 ngày 08/12/2003 cho bà Lơ”. Mà theo GCN QSDĐ số 490 ngày 08/12/2003 (bút lục 170) thì bà Lơ được cấp diện tích 1.027,6m², gồm 05 thửa đất số 47, 65, 66, 67, 69 mà cả nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đều thừa nhận đây chính là các thửa mà bà Lơ đã chia cho các con, cháu như phần nội dung vụ án các bên đã trình bày ở trên, trong đó có thửa 47 với diện tích 295,5m² (diện tích thực tế hiện nay là 246,6m²) mà các bên đang tranh chấp như nhận định tại đoạn [2.1]. Điều đó chứng tỏ, vào thời điểm cấp GCN số 152 ngày 06/5/2002, bà Lơ đã không thừa nhận các diện tích đất rẫy tại khu vực Hồ Bảy Mẫu là đất của bà mà chỉ đồng ý được cấp lại đối với diện tích đất ở 1.027,6m² trong đó có 295,5m² (đo đạc thực tế hiện nay là 246,6m²) là của bà.

[2.11] Như vậy, từ những phân tích trên thấy rằng không có căn cứ xác định các diện tích đất 1.854,8m² và 7630,5m² là di sản thừa kế do bà Lơ để lại, cũng không có căn cứ xác định bà Long đã cùng bà Lơ khai phá phần đất 7630,5m². Vì thế, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Long và những người liên quan có yêu cầu độc lập là có cơ sở và vì vậy kháng cáo của bà Long, bà Liên, ông Kim Anh cũng không được chấp nhận.

[3] Về công sức đóng góp của bà Long trên đất tranh chấp: xét, mặc dù không có chứng cứ chứng minh bà Long là người trồng Điều trên đất mà chỉ có căn cứ xác định bà Long vào thu hoạch hoa lợi khi đến mùa, nhưng cũng cần xem xét cho bà Long được hưởng công sức trong việc duy trì vườn Điều trong nhiều năm. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Long không yêu cầu tính công sức đóng góp là do bà cho rằng đất là di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do bà không yêu cầu nên không tính cho bà một phần công sức đóng góp là chưa phù hợp. Theo kết quả định giá thì diện tích đất 7630,5m² cùng tài sản trên đất mà bà Long yêu cầu được chia tại cấp phúc thẩm có trị giá khoảng 763.000.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thật đồng ý giao cho bà Long số tiền 150.000.000đồng công sức duy trì vườn cây, tương ứng 20% trị giá tài sản. Xét, sự tự nguyện này là phù hợp nên cần ghi nhận. Xét, bà Dung không có mặt tại Tòa, nhưng tài sản tranh chấp là tài sản chung của ông Thật - bà Dung nên việc buộc ông Thật - bà Dung phải có trách nhiệm giao cho bà Long số tiền này là phù hợp. Do đó, cần tuyên sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này nên đơn kháng cáo của bà Long được chấp nhận một phần.

[4] Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm có sai sót khi áp dụng các điều luật theo quy định của pháp luật, cụ thể: tranh chấp của các đương sự thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 3 Điều 26 là không chính xác.

Tuy nhiên, nội dung này không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ cần điều chỉnh, bổ sung lại cho phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Đối với bà Long, ông Kim Anh, bà Võ Thị Th, ông Thật và bà Dung là những người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn án phí.

Đối với nghĩa vụ chịu án phí của bà Võ Thị Kim L2, xét thấy mặc dù bà Liên có đơn xin miễn, giảm án phí nhưng xét bà Liên không có chứng cứ chứng minh bà có hoàn cảnh khó khăn và bà cũng không phải là người cao tuổi (hiện bà Liên dưới 60 tuổi). Nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm lại cho bà Liên được miễn án phí dân sự sơ thẩm là không đúng. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của bà Liên cho phù hợp pháp luật.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Long được chấp nhận một phần nên bà Long không phải chịu; ông Kim Anh được miễn do ông là người cao tuổi và có đơn xin miễn.

Đối với bà Liên: mặc dù bà có đơn xin miễn án phí nhưng như phân tích tại đoạn [5] bà Liên không thuộc trường hợp được miễn nên phải chịu 300.000đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm ban hành thông báo miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Liên là không phù hợp pháp luật, nhưng Hội đồng xét xử thấy không cần thiết hủy án vì lỗi này mà cần nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm và tuyên buộc bà Liên phải chịu (nộp) khoản tiền này là phù hợp.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Võ Thị Kim L2, ông Võ Kim A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước về các nội dung liên quan đến việc xác định di sản thừa kế và xác định quyền sở hữu tài sản.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước về trách nhiệm trả tiền công sức đóng góp trong việc duy trì tài sản tranh chấp và án phí.

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 26, các điều 147, 157, 158, 165, 166, 244, 217, 218 và 219 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 675, 676, 634, 633, 234, 233 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các điều 12, 26, 27 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016;

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Võ Kim A, bà Võ Thị Th và bà Võ Thị Kim L2: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự về việc giao diện tích đất 228,1m² (nằm trong diện tích đất 246,6m² đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 490/QSD đứng tên hộ bà Hà Thị L1 ngày 08/12/2003) thuộc thửa đất số 47 và một phần thửa đất số 69 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (gồm các điểm A,4,5,B) theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 05-10-2018 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) cùng tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp IV có diện tích 76,5m² cho bà Võ Thị Kim L quản lý, sử dụng, sở hữu.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L đối với phần diện tích đất 9.485,5m² tọa lạc tại Hồ Bảy Mẫu, tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn Th1 về việc xác định quyền sở hữu.

Công nhận diện tích đất 7630,5m² thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 24 (được ký hiệu từ điểm 01 đến điểm 13 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 05-10-2018 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) cùng tài sản trên đất là cây điều có mật độ trồng là 08m x 08m tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc quyền quản lý, sử dụng, sở hữu của ông Võ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Công nhận diện tích đất 491,1m² (nằm trong phần đất 1.854,8m², được ký hiệu gồm các điểm 3,17,18,19,1,2 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 27-02-2020 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) cùng tài sản trên đất là cây điều có mật độ trồng là 08m x 08m tọa lạc tại Khu Đức T, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc quyền quản lý, sử dụng, sở hữu của ông Võ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Ông Võ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D được tạm thời sử dụng diện tích đất 755,0m² (nằm trong phần đất 1.854,8m², được ký hiệu gồm các điểm

17,4,5,6,15,13,19,18 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 27-02-2020 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) và diện tích đất ao 608,7m² (nằm trong phần đất 1.854,8m², được ký hiệu gồm các điểm 5,6,7,15,16 theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 27-02-2020 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) cho đến khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc trả lại hay thu hồi.

4/ Ông Võ Văn Th1, bà Nguyễn Thị Mỹ D có trách nhiệm giao cho bà Võ Thị Kim L số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền công sức đóng góp trong việc duy trì đất tranh chấp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/ Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 152/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước ký ngày 6/5/2002 đứng tên hộ bà Hà Thị L1.

6/ Bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn Th1, bà Nguyễn Thị Mỹ D có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký sang tên, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần đất mình được công nhận như trên. Trong trường hợp sau khi trích, đo địa chính mà có sự biến động về vị trí, diện tích, tứ cận thì bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn Th1, bà Nguyễn Thị Mỹ D có quyền tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh.

7/ Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Võ Thị Kim L2, Võ Thị Th, Võ Kim A về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất 9.485,5m².

8/ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn Th1 đối với phần diện tích đất 1.523,5m²; Nếu sau này đương sự khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

9/ Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản và định giá tài sản: Buộc bà Võ Thị Kim L phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản và chi phí định giá tài sản là 18.587.500đ (bà Long đã nộp xong).

Buộc ông Võ Kim A, bà Võ Thị Th, bà Võ Thị Kim L2 nên mỗi người phải hoàn trả cho bà Võ Thị Kim L số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tài sản và định giá tài sản là 4.646.875đồng.

10/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Võ Thị Kim L được miễn. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đồng bà Long đã nộp là theo biên lai thu tiền số 0022195, ngày 18/7/2018.

Bị đơn ông Võ Văn Th1-bà Nguyễn Thị Mỹ D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Kim A, bà Võ Thị Th được miễn;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim L2 phải chịu 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000đ bà Liên đã đóng tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0009417 ngày 23/5/2019. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Võ Thị Kim L2 số tiền 4.700.000đồng.

11/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Kim L, ông Võ Kim A được miễn; bà Võ Thị Kim L2 phải chịu (nộp) số tiền 300.000đồng.

13/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi Cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi